PHẦN VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2355/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội miền Tây tỉnh Nghệ An đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Kết luận số 26-KL/TW ngày 02 tháng 8 năm 2012 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị khóa IX nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 30 tháng 7 năm 2013 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2020;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội miền Tây tỉnh Nghệ An đến năm 2020 (sau đây gọi là Đề án) với những nội dung chủ yếu như sau:

I. VỊ TRÍ, VAI TRÒ

- Miền Tây tỉnh Nghệ An là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của tỉnh Nghệ An, khu vực Bắc Trung bộ và cả nước; có vai trò quyết định đối với môi trường sinh thái của Tỉnh; có tiềm năng và lợi thế phát triển về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy điện, khai khoáng, du lịch và phát triển kinh tế cửa khẩu; là địa bàn có nhiều đồng bào các dân tộc cùng sinh sống gắn bó lâu đời với bản sắc văn hóa riêng, có truyền thống yêu nước, đoàn kết, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước.

- Xây dựng miền Tây tỉnh Nghệ An vững mạnh toàn diện vừa là yêu cầu, nguyện vọng của đồng bào các dân tộc trong Vùng, vừa là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh lâu dài của tỉnh Nghệ An, khu vực Bắc Trung bộ và của cả nước.

II. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Tập trung khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế về tài nguyên khoáng sản, đất đai khu vực miền Tây tỉnh Nghệ An nhằm thu hút đầu tư, tạo đột phá để phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hình thành các vùng sản xuất cây nguyên liệu, chăn nuôi tập trung quy mô lớn gắn với phát triển công nghiệp chế biến để góp phần tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp, giải quyết việc làm và phân công lại lao động trên địa bàn.

2. Phát huy cao độ nội lực của miền Tây Nghệ An cùng với sự hỗ trợ từ Trung ương và các cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư để phát triển; tập trung nguồn lực để từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống nhân dân.

3. Phát huy yếu tố con người, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có chính sách thu hút, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao; có cơ chế khuyến khích phát triển giáo dục, đào tạo, nhất là đội ngũ công chức, đội ngũ doanh nhân và người lao động.

4. Phát triển kinh tế phải gắn với giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo; bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội; xây dựng đường biên giới Việt Nam - Lào hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; bảo vệ môi trường sinh thái.

III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Khai thác hợp lý và có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh về phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy điện, khai khoáng, du lịch và kinh tế cửa khẩu để duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế miền Tây tỉnh Nghệ An cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế của Tỉnh; cải thiện rõ rệt và đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, dân sinh và bảo đảm quốc phòng, an ninh; từng bước thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển và mức sống của người dân trong vùng so với mức bình quân chung của Tỉnh.

Hoàn thành cơ bản sắp xếp ổn định dân cư, nhất là vùng đồng bào tái định cư các dự án thủy điện, thủy lợi, đưa dân ra biên giới; khắc phục cơ bản tình trạng dân di cư tự do; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, đặc biệt là nhân dân vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới; đẩy lùi các tệ nạn xã hội; gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh và ổn định chính trị.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 12 - 13% cho giai đoạn 2013 - 2015 và đạt 11 - 12% giai đoạn 2016 - 2020. Thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 25 - 26 triệu đồng vào năm 2015 và khoảng 51 - 52 triệu đồng vào năm 2020.

- Cơ cấu kinh tế: Tỷ trọng các ngành nông, lâm, thủy sản - công nghiệp, xây dựng - dịch vụ chiếm 32% - 33% - 35% vào năm 2015 và tỷ lệ này tương ứng vào năm 2020 là 24% - 37% - 39%.

- Thu ngân sách tăng bình quân hàng năm khoảng 34 - 35% giai đoạn 2013 - 2015 và 33 - 34% giai đoạn 2016 - 2020; phấn đấu đạt 1.720 tỷ đồng vào năm 2015 và 7.294 tỷ đồng vào năm 2020.

b) Về văn hóa, xã hội

- Đến năm 2015: Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 45%; tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi tiểu học đến trường đạt 95%; trên 50% số trường đạt chuẩn quốc gia; 50% số xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế; đạt tỷ lệ 5 bác sỹ và 0,4 dược sỹ đại học, 14 giường bệnh trên một vạn dân; tỷ lệ xã có bác sỹ công tác đạt 85%; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng xuống dưới 20%; 50% số xã, phường, thị trấn có thiết chế văn hóa, thông tin, thể thao đạt chuẩn; tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa 70% và 50% đối với làng, bản, khối, xóm.

- Đến năm 2020: Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 55%; tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi tiểu học đến trường đạt 99%; trên 60% số trường đạt chuẩn quốc gia; 70% số xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế; đạt tỷ lệ 6,5 bác sỹ và 0,5 dược sỹ đại học, 15 giường bệnh trên một vạn dân; tỷ lệ xã có bác sỹ công tác đạt 100%; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng xuống dưới 16,5%; 60% số xã, phường, thị trấn có thiết chế văn hóa, thông tin, thể thao đạt chuẩn; tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa 80% và 60% đối với làng, bản, khối, xóm.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 - 4%/năm cho cả giai đoạn 2013 - 2020; hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi trước năm 2015; phủ sóng truyền hình mặt đất cho 100% cư dân vào năm 2015; đa dạng hóa các chương trình phát sóng, đảm bảo số giờ phát sóng do đài của tỉnh Nghệ An và các đài huyện, thị xã trên địa bàn sản xuất.

Đảm bảo 100% số xã có đường ô tô vào được trung tâm xã cả 4 mùa và 100% số xã có điện lưới quốc gia đến trung tâm xã vào năm 2015. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 17 - 18% vào năm 2015 và 19 - 20% vào năm 2020. Số xã đạt tiêu chí nông thôn mới khoảng 15% vào năm 2015 và 30% vào năm 2020.

c) Bảo vệ môi trường

Bảo tồn và phát triển khu dự trữ sinh quyển thế giới Pù Mát, Pù Huống, Pù Hoạt, đặc biệt là bảo vệ tính đa dạng sinh học. Nâng độ che phủ rừng lên 68% vào năm 2015 và 75% vào năm 2020.

Tỷ lệ dân số được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 87% vào năm 2015 và 95% vào năm 2020; trên 70% cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường vào năm 2015 và 80% vào năm 2020; đảm bảo 100% lượng chất thải rắn y tế tại các cơ sở y tế được thu gom, phân loại và vận chuyển đến các cơ sở xử lý vào năm 2015; đến năm 2015, các đô thị loại 4 trở lên và tất cả các khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

IV. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Nông, lâm, ngư nghiệp và nông thôn

- Phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2013 - 2015 đạt 5 - 6%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 đạt 4 - 5%/năm.

- Nông nghiệp: Đảm bảo an ninh lương thực ở các huyện núi cao, hạn chế việc chuyển đổi mục đích đất trồng lúa, tập trung đầu tư thâm canh tăng năng suất. Phát triển kinh tế tiểu vùng Tây Bắc Nghệ An trên cơ sở nghiên cứu hình thành và phát triển Khu nông nghiệp công nghệ cao tại Nghĩa Đàn nhằm tạo ra sản phẩm có năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh cao trên thị trường. Tập trung đầu tư hình thành hệ thống các sản phẩm chủ lực trong những ngành và lĩnh vực có lợi thế so sánh: Kinh tế rừng; cây công nghiệp dài ngày; chăn nuôi đại gia súc.

Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng công nghiệp, tăng dần tỷ trọng ngành chăn nuôi trong nông nghiệp, đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính. Phát triển nuôi trồng thủy sản trên các hồ, đập lớn, khai thác tốt các lòng hồ thủy điện, thủy lợi sẵn có để nuôi trồng thủy sản theo phương pháp tiên tiến, hiệu quả và bền vững.

- Lâm nghiệp: Chăm sóc, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, đẩy mạnh trồng rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ bảo vệ cho các hồ, đập thủy điện, vùng có nguy cơ sạt lở; thực hiện tốt việc khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, trồng cây đặc sản, cây dược liệu dưới tán rừng, trồng rừng cảnh quan nhằm phủ xanh đất trống, đồi núi trọc; chấm dứt tình trạng phá rừng làm nương rẫy; bảo vệ nghiêm ngặt Vườn quốc gia Pù Mát, Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Huống, Pù Hoạt và nguồn gen động thực vật quý hiếm.

- Nông thôn: Thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Từng bước giải quyết hoàn chỉnh và đồng bộ các công trình đường giao thông, thủy lợi, điện, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, chợ nông thôn, bưu điện, nhà ở dân cư theo các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Nâng cao chất lượng lao động trong nông nghiệp, đặc biệt là đào tạo nghề để phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho người dân. Khuyến khích phát triển làng nghề và làng có nghề gắn với vùng nguyên liệu. Đẩy mạnh bố trí ổn định dân cư, nhất là vùng tái định cư các dự án thủy điện, thủy lợi, vùng có nguy cơ thiên tai, vùng bị ô nhiễm môi trường.

2. Công nghiệp, xây dựng

- Phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2013 - 2015 đạt 16 - 17%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 đạt 15 - 16%/năm.

- Tập trung phát triển ngành công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm có thế mạnh của vùng như sản xuất đường và các sản phẩm sau đường; chế biến chè; các sản phẩm từ mủ cao su, sữa, thịt và các sản phẩm gỗ, bột giấy. Phát triển công nghiệp chế biến khoáng sản, vật liệu xây dựng như chế biến đá, thiếc, xi măng, gạch không nung. Đầu tư xây dựng hạ tầng và thu hút doanh nghiệp lấp đầy các cụm công nghiệp đã phê duyệt; nghiên cứu thành lập các khu công nghiệp Sông Dinh, Tân Kỳ và Tri Lễ.

- Phát triển làng nghề với quy mô, cơ cấu sản phẩm, trình độ công nghệ hợp lý, nhất là các làng nghề mây tre đan, dệt thổ cẩm, đá mỹ nghệ; gắn hoạt động kinh tế của làng nghề với hoạt động dịch vụ du lịch và bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống. Đẩy mạnh công tác chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất ở các làng nghề.

- Khai thác hợp lý tiềm năng thủy điện, phấn đấu các nhà máy thủy điện trên địa bàn đạt công suất khoảng 700 MW vào năm 2015 và 1.360 MW vào năm 2020.

3. Dịch vụ và du lịch

- Phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2013 - 2015 đạt khoảng 14 -15%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 đạt 13 - 14%/năm.

- Dịch vụ, thương mại: Hoàn thiện mạng lưới bán buôn và bán lẻ hàng hóa, dịch vụ theo hướng hiện đại. Tập trung xây dựng chợ trung tâm huyện, từng bước phát triển siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi tại các thị trấn. Phát triển chợ trung tâm xã, cụm xã, ưu tiên phát triển chợ biên giới.

Đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, phát triển thị trường chứng khoán, bảo hiểm. Có cơ chế ưu đãi để khuyến khích phát triển bảo hiểm phục vụ phát triển nông, lâm nghiệp. Phát triển đa dạng loại hình vận tải, tận dụng hiệu quả các loại hình vận tải đường bộ, đường sắt; tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế tham gia cung ứng dịch vụ vận tải. Phát triển nhanh các ngành dịch vụ tư vấn, lao động, khoa học công nghệ, kinh doanh tài sản, đầu tư, dịch vụ phục vụ cá nhân và cộng đồng.

Từng bước hiện đại hóa và nâng cao năng lực thông tin và truyền thông; ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ lãnh đạo, quản lý, điều hành, sản xuất kinh doanh, dịch vụ công qua mạng. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở.

- Du lịch: Phát triển đa dạng các loại hình du lịch, sản phẩm du lịch, với các địa bàn trọng điểm như Vườn quốc gia Pù Mát và vùng phụ cận; các huyện Quế Phong, Quỳ Châu, Tương Dương, thị xã Thái Hòa,...

4. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, khoa học và công nghệ, tài nguyên và môi trường

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục đúng độ tuổi ở bậc tiểu học và trung học cơ sở, huy động tỷ lệ học sinh vào các cấp học đúng độ tuổi. Xây dựng và nâng cao chất lượng hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú. Nâng cao chất lượng, hiệu quả chính sách cử tuyển dành cho con em các dân tộc thiểu số vào học tại các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp, quan tâm bố trí việc làm sau đào tạo; đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục.

- Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho cấp huyện, cấp xã; quan tâm đào tạo cán bộ tại chỗ, cán bộ là người dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh dạy nghề cho lao động nông thôn, lao động xuất khẩu, dạy nghề nội trú cho thanh niên dân tộc thiểu số; phát triển các mô hình dạy nghề gắn với nhu cầu của các doanh nghiệp trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Nâng cao năng lực, chất lượng khám chữa bệnh và thực hiện các dịch vụ y tế của trạm y tế xã, bệnh viện tuyến huyện. Mở rộng mô hình quân - dân y kết hợp ở những nơi có điều kiện. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế khám chữa bệnh cho người dân tộc thiểu số. Phấn đấu đến năm 2015 thực hiện bảo hiểm y tế 100% hộ cận nghèo có thẻ bảo hiểm y tế. Củng cố, phát triển mạnh y tế dự phòng đến tận cơ sở; đẩy mạnh công tác xã hội hóa y tế.

- Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, ngôn ngữ, chữ viết, tập quán, tín ngưỡng truyền thống tốt đẹp của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học công nghệ nhằm phục hồi và phát triển sản phẩm hàng hóa là các cây, con đặc sản, các sản phẩm truyền thống của từng huyện. Đầu tư công nghệ hỗ trợ phát triển các vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến. Nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong lĩnh vực trồng và chế biến dược liệu. Xây dựng hai trung tâm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và đào tạo về khoa học kỹ thuật nông nghiệp ở hai tuyến đường quốc lộ 48 và quốc lộ 7. Nghiên cứu thành lập Trung tâm công nghệ sinh học phục vụ Khu nông nghiệp công nghệ cao Nghĩa Đàn.

- Thực hiện tốt chính sách xã hội và đảm bảo an sinh xã hội; tiếp tục hoàn thiện và thực hiến tốt các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, đào tạo nghề, đưa người đi lao động nước ngoài, ưu tiên người nghèo, người dân tộc thiểu số ở các huyện nghèo, xã nghèo, thôn bản đặc biệt khó khăn. Tăng cường các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm đến tận huyện, xã; đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, góp phần tích cực kết nối cung - cầu lao động các huyện trong vùng với toàn tỉnh, cả nước và xuất khẩu lao động.

- Tổ chức tốt việc quản lý khai thác khoáng sản để đến năm 2020 không còn tình trạng khai thác khoáng sản trái phép. Coi trọng việc bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước; giảm thiểu ô nhiễm chất thải từ các làng nghề, trang trại chăn nuôi.

5. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, đô thị

Đảm bảo phát triển đồng bộ, cân đối hệ thống kết cấu hạ tầng làm động lực phát triển kinh tế - xã hội của Vùng, đặc biệt là hệ thống giao thông gắn kết các huyện trong vùng và kết nối với các vùng khác.

a) Giao thông:

- Phấn đấu hoàn thành xây dựng, nâng cấp và làm mới các tuyến đường giao thông quan trọng: đường tỉnh lộ 541, 543 (đường Tây Nghệ An), đường 544, 544B (đường Châu Thôn - Tân Xuân), đường nối Quốc lộ 1 đi thị xã Thái Hòa, đường nối N5 khu kinh tế Đông Nam đến Hòa Sơn (Đô Lương) - Tân Long (Tân Kỳ), đường nối QL45 (Thanh Hóa) với QL48, đường Mường Xén - Ta Đo - Khe Kiền. Nâng cấp các tuyến tỉnh lộ khác và hệ thống giao thông vùng nguyên liệu, phục vụ du lịch, các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị mới; nâng cấp, làm mới các tuyến đường kinh tế kết hợp với quốc phòng, đường ra các cửa khẩu, các đường tuần tra biên giới, các tuyến đường giao thông biên giới, các tuyến đường đến trung tâm xã, các tuyến đường từ trung tâm xã đến thôn, bản.

- Xây dựng các cầu thay thế bến đò và cầu vào các bản vùng sâu, vùng xa; phấn đấu đến năm 2020 hoàn thành xây dựng 100% cầu thay thế các bến đò và cầu vào các bản vùng sâu, vùng xa; đảm bảo 100% đường đến trung tâm thôn bản tối thiểu xe máy đi lại được; xây dựng mới một số bến xe, điểm đỗ xe, trạm dừng nghỉ.

b) Thủy lợi, cấp nước:

- Tiếp tục công tác duy tu, bảo dưỡng, chống xuống cấp hệ thống hồ đập đã xây dựng; đầu tư sửa chữa các hồ đập đã hư hỏng, xuống cấp, không đảm bảo năng lực xả lũ. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Hồ chứa nước Bản Mồng, hệ thống thủy lợi Sông Sào (giai đoạn 2); thực hiện dự án xóa vùng chậm lũ Bích Hào, Thanh Chương. Xây dựng thêm một số hồ đập nhỏ có hiệu quả, đảm bảo cung cấp nước phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Phát triển hệ thống thủy lợi để chủ động tưới tiêu cho vùng cây công nghiệp, cây ăn quả tập trung. Củng cố hệ thống đê sông, từng bước xây dựng các công trình kè sông biên giới theo quy hoạch đã phê duyệt.

- Đầu tư, nâng cấp hệ thống cấp nước đáp ứng đủ nước sạch phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân đô thị; áp dụng công nghệ tiên tiến và xây dựng các mô hình cấp nước hợp vệ sinh cho nhân dân khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới.

c) Cấp điện:

Tập trung triển khai xây dựng và hoàn thành các dự án thủy điện đã được cấp giấy phép đầu tư. Hoàn chỉnh quy hoạch mạng lưới truyền tải điện trên địa bàn gắn với các nhà máy thủy điện. Đầu tư đồng bộ hạ tầng hệ thống truyền tải và phân phối điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện ngày càng cao của các khu công nghiệp và nhu cầu sử dụng của nhân dân.

d) Phát triển đô thị:

Phát triển đô thị trung tâm vùng Tây Bắc (thị xã Thái Hòa) và đô thị trung tâm vùng Tây Nam (tại Con Cuông) liên kết với các đô thị lân cận tạo thành các cụm đô thị động lực có chức năng thúc đẩy kinh tế - xã hội của Vùng; kết nối với các đô thị ở đồng bằng, ven biển theo tuyến giao thông quốc lộ, tỉnh lộ, tạo thành các hành lang kinh tế - đô thị, thúc đẩy phát triển toàn diện miền Tây tỉnh Nghệ An. Phát triển các đô thị trung tâm cấp huyện, trung tâm các khu dân cư nông thôn.

đ) Phát triển khu công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, cửa khẩu:

Tập trung nguồn vốn đầu tư xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp đã được quy hoạch (Nghĩa Đàn, Sông Dinh, Tân Kỳ, Tri Lễ) và Khu nông nghiệp công nghệ cao Nghĩa Đàn. Tiếp tục ưu tiên vốn đầu tư xây dựng cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn. Đầu tư cơ sở hạ tầng cửa khẩu quốc gia Thanh Thủy trở thành cửa khẩu quốc tế, hình thành và phát triển khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy khi đáp ứng đủ điều kiện và tiêu chí theo quy định. Từng bước đầu tư xây dựng cửa khẩu phụ Tam Hợp; cửa khẩu phụ Thông Thụ, cửa khẩu phụ Cao Vều; nâng cấp lối mở bản Buộc Mú, xã Na Ngoi, huyện Kỳ Sơn thành cửa khẩu phụ.

e) Phát triển hạ tầng xã hội:

- Huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng các công trình phục vụ cho việc chuẩn hóa về giáo dục trên địa bàn; xây dựng trường phổ thông dân tộc nội trú

THPT số 2; xây dựng hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú THCS và trường phổ thông dân tộc bán trú; kiên cố hóa toàn bộ trường, lớp học và nhà công vụ giáo viên. Đầu tư mở rộng, nâng cấp quy mô đào tạo nghề trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật miền Tây Nghệ An tại thị xã Thái Hòa, trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú Nghệ An tại Con Cuông; nâng cấp 04 trung tâm dạy nghề tại 4 huyện (Kỳ Sơn, Tương Dương, Quế Phong, Quỳ Châu); xây dựng Trung tâm dạy nghề huyện Nghĩa Đàn.

- Hoàn thành xây dựng bệnh viện Tây Bắc và Tây Nam; xây dựng cơ sở hạ tầng các trung tâm y tế huyện, phòng khám đa khoa khu vực, những nơi chưa có trạm y tế xã; từng bước hỗ trợ đầu tư trang thiết bị cho các bệnh viện huyện; xây dựng mới và hoàn thiện các Trung tâm y tế dự phòng huyện, bệnh viện huyện; từng bước hỗ trợ trang thiết bị thiết yếu và các trang thiết bị kỹ thuật cao cho các bệnh viện huyện, trang thiết bị cho các trung tâm y tế dự phòng huyện.

- Từng bước xây mới, nâng cấp, hiện đại hóa cơ sở vật chất của ngành văn hóa - thể thao trên địa bàn thông qua việc xây dựng thiết chế văn hóa - thể thao đạt chuẩn ở cơ sở; xây dựng các trung tâm văn hóa - thể thao tuyến huyện; xây mới, cải tạo, nâng cấp nhà thi đấu và sân vận động tại 10 huyện; bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa.

- Phát triển cơ sở hạ tầng hệ thống viễn thông, nâng cấp các tổng đài và cáp quang hóa toàn bộ hệ thống truyền dẫn; phủ sóng di động; phát triển mạng lưới Internet tốc độ cao, truyền hình cáp, truyền hình kỹ thuật số đến tất cả các xã.

V. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

(Có phụ lục kèm theo).

VI. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về quản lý quy hoạch

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung, nâng cao chất lượng quy hoạch, nhất là quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, không gian đô thị, khu công nghiệp, khu nông nghiệp công nghệ cao, xây dựng nông thôn mới, đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển. Tăng cường chỉ đạo, quản lý, thanh tra, kiểm tra thực hiện quy hoạch.

2. Về huy động các nguồn vốn đầu tư

- Nhu cầu vốn đầu tư thực hiện Đề án khoảng 148.000 tỷ đồng; trong đó giai đoạn 2013 - 2015 là 35.000 tỷ đồng, giai đoạn 2016 - 2020 là 113.000 tỷ đồng. Để đảm bảo huy động được nguồn vốn thực hiện Đề án, cần triển khai tích cực, đồng bộ và có hiệu quả hệ thống các cơ chế, chính sách huy động vốn.

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước bao gồm cả ngân sách Trung ương và địa phương dành chủ yếu cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội. Thực hiện lồng ghép nguồn vốn của các chương trình, dự án trên địa bàn để nâng cao hiệu quả đầu tư các nguồn vốn, chống lãng phí thất thoát. Rà soát, sửa đổi, bổ sung tiêu chí phân định địa bàn vùng dân tộc, vùng miền núi theo trình độ phát triển để có chính sách bố trí nguồn lực đầu tư phù hợp.

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia vào đầu tư cơ sở hạ tầng; huy động tối đa nguồn vốn từ quỹ đất để phát triển hạ tầng đô thị, khu công nghiệp. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động sự nghiệp như y tế, giáo dục, văn hoá, thể thao.

- Đẩy mạnh cải cách, nhất là cải cách hành chính. Đổi mới cơ chế chính sách, cải thiện môi trường đầu tư, chú trọng công tác xúc tiến đầu tư, chuẩn bị tốt dự án đầu tư và quỹ đất để kêu gọi đầu tư. Đa dạng hóa hình thức huy động vốn đầu tư. Tăng cường hơn nữa công tác quảng bá, giới thiệu trong nước, ra nước ngoài về các tiềm năng, thế mạnh của miền Tây Nghệ An.

3. Về đào tạo phát triển nguồn nhân lực

- Nâng cao chất lượng giáo dục tại các trường trung cấp nghề ở miền Tây Nghệ An để đảm bảo chất lượng lao động và quy mô đào tạo nghề, đặc biệt là các ngành nghề mây tre đan, dệt thổ cẩm, chế biến nông, lâm sản.

- Củng cố bộ máy quản lý nhà nước theo hướng tinh gọn, có chất lượng; gắn việc đào tạo với luân chuyển cán bộ về cơ sở. Chú trọng tăng cường cán bộ ngành giáo dục, y tế, cán bộ và chiến sĩ bộ đội biên phòng. Tăng cường thu hút sinh viên ở các trường đại học, cao đẳng về làm việc tại cơ sở. Tăng cường cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công bằng hình thức luân chuyển cán bộ, tiếp nhận mới và đầu tư cho công tác khuyên nông, khuyến lâm, khuyến công.

4. Về khoa học và công nghệ

Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm, khoáng sản. Xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo điều kiện, ưu đãi thu hút các tổ chức, nhà khoa học trực tiếp nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Đổi mới tổ chức và cơ chế quản lý theo hướng đề cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học công nghệ.

5. Tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên sẵn có gắn với bảo vệ môi trường

- Bố trí, sử dụng quỹ đất cho sản xuất và xây dựng trên địa bàn tiết kiệm, có hiệu quả. Chú trọng làm tốt công tác thủy lợi để nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Rà soát, đánh giá tình hình sử dụng đất, xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhất là việc sử dụng đất của các doanh nghiệp nông, lâm nghiệp, tổng đội thanh niên xung phong để có phương án quản lý, sử dụng đất hiệu quả nhất; chuyển giao phần đất sử dụng không hiệu quả cho các đối tượng khác sử dụng hiệu quả hơn. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp trên diện tích đất trống, đồi núi trọc, tạo vùng nguyên liệu gắn với công nghiệp chế biến.

- Tập trung phát triển và tăng tỷ lệ rừng kinh tế nhằm đem lại việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân làm nghề rừng; tiếp tục giao đất lâm nghiệp, giao rừng cho người dân. Nâng cao hiệu quả kinh tế rừng trồng; quản lý, sử dụng bền vững diện tích rừng tự nhiên. Tổ chức khai thác rừng có kế hoạch để bảo vệ và phát triển

vốn rừng; thực hiện tốt chủ trương về chi trả dịch vụ môi trường rừng, tạo sự phát triển bền vững.

- Quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả các công trình cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt của dân cư. Rà soát, xác định hiệu quả kinh tế - xã hội, tác động môi trường của các dự án thủy điện trên địa bàn; không đầu tư xây dựng các dự án thủy điện có hiệu quả kinh tế - xã hội thấp, ảnh hưởng đến môi trường sinh thái. Tổ chức tốt việc quản lý khai thác khoáng sản, hạn chế tác động xấu đến môi trường.

6. Thực hiện có hiệu quả công tác bố trí ổn định dân cư và tái định cư gắn với quy hoạch sản xuất trên địa bàn

Tiến hành rà soát, bố trí sắp xếp lại dân cư theo quy hoạch được duyệt nhằm ổn định đời sống, phát triển sản xuất phù hợp từng vùng, địa phương; trước hết tập trung ưu tiên bố trí dân cư để phòng, tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai; khắc phục tình trạng dân di cư tự do. Thực hiện tốt công tác tái định cư bền vững đối với các hộ dân vùng lòng hồ thủy điện, thủy lợi, vùng bị ô nhiễm môi trường.

7. Đổi mới mô hình tổ chức quản lý các nông, lâm trường

Tiếp tục củng cố, đổi mới, hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động các nông, lâm trường quốc doanh; đảm bảo thực hiện tốt vai trò dịch vụ, hỗ trợ sản xuất nông, lâm nghiệp trong Vùng.

8. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Tạo môi trường thu hút đầu tư bằng các cơ chế, chính sách ưu đãi khuyến khích trong việc thuê đất, sử dụng đất thực hiện dự án, nhà nước hỗ trợ kinh phí đền bù, giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng. Xây dựng chính sách ưu đãi đặc biệt để thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng và xóa đói giảm nghèo; vốn FDI; vốn đầu tư từ ngoài tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện một số giải pháp hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, như hỗ trợ công tác khuyến nông, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, xây dựng các mô hình kinh tế trong nông nghiệp, cung cấp thông tin thị trường, hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, bảo hiểm nông nghiệp,... Khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác, các nhóm kinh tế tự nguyện tham gia vào sản xuất, kinh doanh nông nghiệp. Thực hiện các cơ chế, chính sách hiệu quả, thiết thực để hỗ trợ phát triển công nghiệp và dịch vụ.

- Tăng cường các hoạt động xúc tiến quảng bá các sản phẩm đã có thương hiệu, xây dựng và củng cố vị trí thương hiệu cho các sản phẩm mới, nhất là các sản phẩm nông sản. Nâng cao khả năng tiêu thụ hàng hóa của nông dân. Khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế tìm kiếm phát triển thị trường. Tiếp tục củng cố, phát triển hệ thống phân phối hàng hóa của các doanh nghiệp, nhất là ở địa bàn nông thôn, miền núi trên cơ sở mở rộng mạng lưới đại lý, phát triển các hợp tác xã hoạt động đa chức năng.

- Tạo môi trường thuận lợi để thu hút mọi nguồn lực vào phát triển nông nghiệp, nông thôn, nhất là đầu tư của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, thu hút nhiều lao động. Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất sản xuất, đất ở của đồng bào vùng dân tộc thiểu số. Tập trung nguồn lực thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ vùng

dân tộc thiểu số về nhà ở, ổn định dân cư hộ nghèo, hộ sống ở vùng bão lũ, ven sông, suối theo hướng ổn định, phát triển bền vững. Tăng cường đầu tư của nhà nước, đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa, huy động mọi nguồn lực cho bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số, gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế với phát triển văn hóa.

- Sử dụng ngân sách địa phương để thực hiện trợ giá sản xuất Radio cho đồng bào vùng sâu, vùng xa nghe được các chương trình của Đài tiếng nói Việt Nam và chương trình của tỉnh; đầu tư, hỗ trợ thiết bị đầu thu tín hiệu số cho những hộ gia đình nghèo, đồng bào các dân tộc ít người ở vùng sâu, biên giới để người dân xem được các kênh của VTV và NTV. Tăng thời lượng và nâng cao chất lượng các chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng dân tộc thiểu số. Phát triển và hỗ trợ duy trì các điểm bưu điện - văn hóa xã.

9. Giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội

- Tăng cường hợp tác về quốc phòng, an ninh; xây dựng đường biên giới Việt Nam - Lào hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Xây dựng lực lượng vũ trang quân sự vững mạnh, đảm bảo quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, đặc biệt là an ninh vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng giáo. Chủ động nắm chắc diễn biến tình hình, giải quyết những mâu thuẫn nội bộ ngay từ cơ sở, kiên quyết không để xảy ra các "điểm nóng". Chủ động ngăn chặn các hoạt động chống phá khối đại đoàn kết thông qua "diễn biến hòa bình", lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để lừa gạt, lôi kéo, kích động đồng bào các dân tộc thiểu số. Giải quyết căn bản vấn đề người di cư tự do trong khu vực biên giới, thực hiện có hiệu quả hoạt động phòng chống tội phạm, nhất là tội phạm ma túy; ngăn chặn hoạt động truyền đạo trái pháp luật và di dịch cư trái phép qua biên giới. Hạn chế tối đa các tệ nạn xã hội và các hủ tục, tập quán lạc hậu.

- Làm tốt công tác vận động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc và đẩy mạnh tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

10. Xây dựng hệ thống chính trị các cấp vững mạnh

Tiếp tục kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở, quan tâm phát hiện nguồn, quy hoạch và đào tạo bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số. Tăng cường cán bộ có năng lực, phẩm chất tốt đến công tác tại địa bàn dân tộc thiểu số, nhất là những nơi xung yếu về quốc phòng, an ninh. Thực hiện tốt chính sách động viên, khuyến khích già làng, trưởng bản, người có uy tín tham gia công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách, chương trình, dự án vùng dân tộc thiểu số theo phương châm "dân biết, dân bàn, dân kiểm tra"; vận động quần chúng nhân dân, nhất là nhân dân vùng dân tộc thiểu số chấp hành đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An

a) Nghiên cứu cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ bằng các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Rà soát, sắp xếp các dự án theo thứ tự ưu

tiên và khả năng cân đối nguồn lực để tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành và chịu trách nhiệm toàn diện về hiệu quả của Đề án. Trong quá trình thực hiện Đề án phải thường xuyên cập nhật thông tin và kịp thời báo cáo với cấp có thẩm quyền quyết định bổ sung, điều chỉnh Đề án nếu cần thiết.

b) Chủ động phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương nghiên cứu, đề xuất với cấp có thẩm quyền quyết định ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện của miền Tây Nghệ An, nhằm thu hút các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

c) Chỉ đạo đầu tư tập trung, có trọng điểm để nhanh chóng mang lại hiệu quả thiết thực, ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất và hạ tầng xã hội, tạo động lực phát triển các ngành và các lĩnh vực trên địa bàn miền Tây Nghệ An. Thực hiện có hiệu quả việc lồng ghép các nguồn vốn, các chương trình dự án trên địa bàn. Theo dõi, kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình và xử lý kịp thời khó khăn, vướng mắc; không để xảy ra tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong quá trình thực hiện Đề án.

d) Thực hiện đổi mới tổ chức, quản lý và cải cách hành chính, từng bước tạo môi trường thuận lợi khuyến khích đầu tư trong và ngoài nước. Phát huy mạnh mẽ tiềm năng và thế mạnh của vùng để phát huy nhân tố tích cực, hạn chế các mặt tiêu cực của cơ chế thị trường trong quá trình phát triển. Nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương các cấp, cùng với việc đổi mới công tác sắp xếp, luân chuyển cán bộ chủ chốt về công tác tại địa bàn các huyện miền núi; phân công phân cấp và đề cao trách nhiệm cá nhân, tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của vùng.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An cụ thể hóa Đề án bằng các chương trình, dự án đầu tư phát triển trên địa bàn miền Tây Nghệ An theo tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 30 tháng 7 năm 2013 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2020.

3. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ ngành liên quan căn cứ khả năng cân đối ngân sách hàng năm để bố trí thêm với mức khoảng 30% số vốn đầu tư của Chương trình phát triển kinh tế - xã hội Vùng cho tỉnh Nghệ An để hỗ trợ Tỉnh đầu tư thực hiện Đề án này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 147/2005/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Phát triển kinh tế - xã hội miền Tây tỉnh Nghệ An đến năm 2010".

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
TRÊN ĐỊA BÀN MIỀN TÂY TỈNH NGHỆ AN ĐẾN NĂM 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2355/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên chương trình, dự án
I	**Các chương trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội**
1	Hạ tầng giao thông: Đường nối từ đường N5 khu công nghiệp Nam Cấm - Đô Lương - Tân Kỳ; đường nối QL48 (Nghệ An) - QL45 (Thanh Hóa); đường tỉnh 541, 543 (đường Tây Nghệ An); đường tỉnh 544, 544B (đường Châu Thôn - Tân Xuân); đường Mường Xén - Ta Đo - Khe Kiền; đường nối quốc lộ 1 đi thị xã Thái Hòa; đường vào trung tâm 13 xã chưa có đường do chia tách xã, ngăn cách do xuất hiện các hồ thủy điện; các tuyến đường ra biên giới, các tuyến đường cứu hộ cứu nạn; xây dựng 31 cầu thay thế các bến đò ngang và cầu vào các bản vùng sâu, vùng xa
2	Hạ tầng thủy lợi: Dự án Hồ chứa nước Khe Là-Khe Đá; dự án Hồ Sông Sào giai đoạn 2; dự án Hồ chứa nước Bản Mồng; dự án thủy lợi Thác Muối (Thanh Chương), thủy lợi Nậm Việc (Quế Phong); dự án xóa vùng chậm lũ Bích Hào,Thanh Chương; các dự án sửa chữa, nâng cấp hồ chứa ách yếu và các dự án đê sông Cả, sạt lở ven sông
3	Dự án lâm nghiệp: Các dự án trồng rừng sản xuất theo Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg và trồng rừng thay thế nương rẫy; dự án trồng rừng phòng hộ đầu nguồn (Jica tài trợ); dự án bảo tồn và phát triển khu dự trữ sinh quyển Thế giới miền Tây Nghệ An (Pù Mát, Phù Huống, Pù Hoạt); dự án quản lý đất lâm nghiệp thông qua quản lý rừng tự nhiên bền vững tại các huyện Con Cuông, Tương Dương, Quỳ Hợp
4	Hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu nông nghiệp công nghệ cao: Xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật thị xã Thái Hòa và đô thị Con Cuông; đầu tư, xây dựng, kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Nghĩa Đàn, Sông Dinh (Quỳ Hợp), Tân Kỳ, Tri Lễ (Anh Sơn); đầu tư, xây dựng, kinh doanh hạ tầng Khu nông nghiệp công nghệ cao Nghĩa Đàn
5	Hạ tầng cung cấp điện: Xây dựng hệ thống lưới điện đến trung tâm các xã chưa có điện

STT	Tên chương trình, dự án
6	Hạ tầng Y tế: Xây dựng bệnh viện khu vực Tây Bắc tại thị xã Thái Hòa, bệnh viện khu vực Tây Nam tại Con Cuông; xây dựng Trung tâm y tế huyện Nghĩa Đàn; nâng cấp hệ thống trung tâm y tế cấp huyện; xây mới, cải tạo, nâng cấp các trạm y tế xã
7	Giáo dục và đào tạo: Xây dựng kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ giáo viên; xây dựng hệ thống trường THPT, GDTX huyện; xây dựng, nâng cấp các Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện; xây dựng Trường phổ thông dân tộc nội trú THPT số 2; xây dựng hệ thống trường phổ thông dân tộc bán trú và trường dân tộc nội trú THCS tại các huyện Quế Phong, Tương Dương, Quỳ Hợp, Quỳ Châu, Con Cuông, Kỳ Sơn
8	Văn hóa, thể thao, thông tin và truyền thông: Xây dựng thiết chế văn hóa - thông tin - thể thao đạt chuẩn quốc gia cơ sở; xây dựng Trung tâm văn hóa, thể thao tuyến huyện; xây mới và cải tạo, nâng cấp nhà thi đấu và sân vận động 10 huyện; xây dựng hệ thống mạng LAN cấp huyện, cấp xã phục vụ chính quyền điện tử và cải cách hành chính
9	Dạy nghề, việc làm, an sinh xã hội: Mở rộng, nâng cấp quy mô dạy nghề trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật miền Tây tỉnh Nghệ An tại thị xã Thái Hòa, trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú Nghệ An tại Con Cuông; nâng cấp 03 Trung tâm dạy nghề đào tạo nguồn nhân lực nông thôn của 3 huyện nghèo theo NQ/30a tại các huyện Kỳ Sơn, Tương Dương, Quế Phong và Trung tâm dạy nghề Quỳ Châu theo Quyết định 293/QĐ-TTg ngày 05/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ; xây dựng Trung tâm dạy nghề huyện Nghĩa Đàn
10	Giảm nghèo bền vững: Các dự án đầu tư phát triển hạ tầng thực hiện NQ/30a tại các huyện Kỳ Sơn, Tương Dương, Quế Phong, Quỳ Châu
11	Bố trí dân cư; định canh, định cư: Các dự án thực hiện Chương trình bố trí ổn định dân cư theo quyết định 1776/QĐ-TTg; các dự án ĐCĐC cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
12	Các dự án khác: Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp trụ sở xã; dự án phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền trung (ADB)
II	**Các dự án sản xuất kinh doanh kêu gọi đầu tư**
1	Nông nghiệp, nông thôn Các dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa tập trung quy mô công nghiệp tại Nghĩa Đàn; dự án trồng và chế biến cao su tại Anh Sơn; dự án trồng và

STT	Tên chương trình, dự án
	chế biến chè chất lượng cao tại Con Cuông; dự án Nhà máy chế biến gỗ Nghệ An tại Nghĩa Đàn; dự án trồng nguyên liệu giấy tại các huyện miền Tây Nghệ An; dự án trồng cây Hông, cây Tếch tại Quế Phong, Quỳ Châu, Quỳ Hợp Nghĩa Đàn, Thái Hòa; dự án trồng cây Ô liu ven hồ sông Sào và hồ Khe Đá; dự án nuôi cá nước ngọt trên hồ sông Sào, hồ Khe Đá; dự án nuôi trồng thủy sản trên các hồ thủy lợi, thủy điện
2	Công nghiệp
a	*Công nghiệp chế biến, vật liệu xây dựng:* Nhà máy chế biến hoa quả tại vùng Phủ Quỳ và Tân Kỳ; Nhà máy chế biến súc sản, Nhà máy rượu vang nho đóng chai tại vùng Phủ Quỳ; Nhà máy chế biến chè xuất khẩu tại Thanh Chương, Anh Sơn; Nhà máy chế biến đá trắng tại Quỳ Hợp, Nghĩa Đàn; Nhà máy chế biến đá xẻ, đá ốp lát tại Tân Kỳ, Quỳ Hợp, Nghĩa Đàn; Nhà máy xi măng Tân Kỳ; Dự án làng nghề mây tre đan tại các huyện
b	*Công nghiệp sản xuất điện, nước* Nhà máy thủy điện Nhạn Hạc, Nhà máy thủy điện Đồng Văn tại Quế Phong; Nhà máy thủy điện Nậm Cắn 2, Nhà máy thủy điện Nậm Nơn tại Kỳ Sơn; Nhà máy thủy điện Nậm Pông, Nhà máy thủy điện Châu Thắng tại Quỳ Châu; Nhà máy thủy điện Chi Khê tại Con Cuông; dự án cấp thoát nước đô thị Thái Hòa
3	Dịch vụ thương mại, du lịch: Khu thương mại quốc tế Nậm Cắn, Kỳ Sơn; Khu thương mại cửa khẩu Quốc gia Thanh Thủy; Khu công viên sinh thái vùng Tây Nam, Khu du lịch nghỉ dưỡng Phà Lài, Khu du lịch nghỉ dưỡng thác Khe Kèm tại Con Cuông; Khu du lịch nghỉ dưỡng thác Sao Va tại Quế Phong

Ghi chú: Về vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động các nguồn lực cho từng thời kỳ./.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng